BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**COURSE SPECIFICATION**

**NGÀNH: KẾ TOÁN**

**HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

1. **Thông tin tổng quát - General information**
	1. Tên môn học tiếng Việt/Course title in Vietnamese: **KINH DOANH VÀ NGHIỆP VỤ (TA)**

 Mã môn học/Course code: ACCO1306

* 1. Tên môn học tiếng Anh/ Course title in English: BUSINESS AND TECHNOLOGY (ENGLISH)
	2. Phương thức giảng dạy/Mode of delivery:

☐ Trực tiếp/FTF ☐ Trực tuyến/Online ☒ Kết hợp/Blended

* 1. Ngôn ngữ giảng dạy/Language(s) for instruction:

☐ Tiếng Việt/Vietnamese ☒ Tiếng Anh/English ☐ Cả hai/Both

* 1. Thuộc thành phần kiến thức/kỹ năng/ Knowledge/Skills:

☐ Giáo dục đại cương/General ☐ Kiến thức chuyên ngành/Major

☒ Kiến thức cơ sở/Foundation ☐ Kiến thức bổ trợ/Additional

☐ Kiến thức ngành/Discipline ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp/Graduation thesis

* 1. Số tín chỉ/Credits

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số/Total | Lý thuyết/Theory | Thực hành/Practice | Số giờ tự học/Self-study |
| 03 | 03 | 0 | 105 |

* 1. Phụ trách môn học-Administration of the course
1. Khoa/Bộ môn/Faculty/Division: Khoa Kế toán-Kiểm toán/ Kế toán quốc tế
2. Giảng viên/Academics: ThS. Nguyễn Anh Hoàng Sơn
3. Địa chỉ email liên hệ/Email: son.nah@ou.edu.vn
4. Phòng làm việc/Room: 35-37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Quận 1, TPHCM/ Phòng 105
5. **Thông tin về môn học-Course overview**
	1. Mô tả môn học/Course description:

Môn học giới thiệu kiến thức về doanh nghiệp và môi trường hoạt động của doanh nghiệp bao gồm cấu trúc doanh nghiệp và vai trò của kế toán cũng như các chức năng chính của doanh nghiệp. Đồng thời môn học cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến việc quản lý và phát triển doanh nghiệp.

* 1. Môn học điều kiện/Requirements:

| STT/No. | Môn học điều kiện/ Requirements | Mã môn học/Code |
| --- | --- | --- |
| 1. | Môn tiên quyết/Pre-requisites |  |
|  | Không yêu cầu môn học tiên quyết |  |
| 2. | Môn học trước/Preceding courses |  |
|  | Không yêu cầu môn học trước |  |
| 3. | Môn học song hành/Co-courses |  |
|  | Không yêu cầu môn học song hành |  |

* 1. Mục tiêu môn học/Course objectives

| **Mục tiêu môn học/ Course objectives** | **Mô tả - Description** | **CĐR CTĐT phân bổ cho môn học - PLOs** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Hình thành nhận thức về mục tiêu và các loại hình của doanh nghiệp; Làm quen với các cấu trúc doanh nghiệp khác nhau và vai trò của quản trị doanh nghiệp | PLO3.1PLO4.3PLO4.5PLO9.2PLO12.2 |
| CO2 | Xác định được chức năng của kế toán và kiểm toán trong môi trường doanh nghiệp. | PLO3.1PLO4.1PLO9.2 |
| CO3 | Hệ thống được các nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong doanh nghiệp. | PLO3.1PLO9.2 |
| CO4 | Xác định được tầm quan trọng của quản lý hành vi trong doanh nghiệp và các vấn đề liên quan đến đạo đức nghề nghiệp. | PLO3.1PLO9.2PLO7.2PLO11.2 |
| CO5 | Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm | PLO10 |

* 1. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học – Course learning outcomes (CLOs)

Học xong môn học này, người học có khả năng

| **Mục tiêu môn học/ Course objectives** | **CĐR môn học****(CLO)** | **Mô tả CĐR -Description** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | CLO1 | Nhận biết vai trò của quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. |
| CO2 | CLO2 | Giải thích mối quan hệ giữa kế toán và các bộ phận/chức năng khác của doanh nghiệp. |
| CO3 | CLO3 | Giải thích vai trò lãnh đạo của nhà quản lý trong các hoạt động tại doanh nghiệp và các nguyên tắc giúp tạo động lực làm việc đối với nhân viên trong doanh nghiệp. |
| CO4 | CLO4 | Giải thích các kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn trong doanh nghiệp và các nguyên tắc đạo đức chính tại doanh nghiệp. |
| CO5 | CLO5 | Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. |

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLOs** | **PLO3.1** | **PLO4.1** | **PLO4.3** | **PLO4.5** | **PLO7.2** | **PLO 9.2** | **PLO 10** | **PLO11.2** | **PLO12.2** |
| **CLO1** | 4 |  | 3 | 3 |  | 4 |  |  | 3 |
| **CLO2** | 4 | 3 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| **CLO3** | 4 |  |  |  |  | 4 |  |  |  |
| **CLO4** | 4 |  |  |  | 4 | 4 |  | 3 |  |
| **CLO5** |  |  |  |  |  |  | 4 |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *1: Không đáp ứng* | *2: Ít đáp ứng* | *3: Đáp ứng trung bình* |
| *4: Đáp ứng nhiều* | *5: Đáp ứng rất nhiều* |  |

* 1. Học liệu – Textbooks and materials
		1. *Giáo trình-Textbooks*

[1] ACCA Foundations in accountancy / ACCA : Business and technology (FBT/BT) : for exams from 1 September 2020 to 31 August 2021: Interactive text. London, UK : BPP Learning Media, 2020.[657.076 F7713 23]

[2] ACCA Foundations in accountancy / ACCA : Business and technology (FBT/BT) : for exams from 1 September 2020 to 31 August 2021: Practice & revision kit. London, UK : BPP Learning Media, 2020.[657.076 F7713 23]

* + 1. *Tài liệu tham khảo*

[3] Carl S. Warren, Jefferson P. Jones, Amanda G. Farmer. Using financial accounting : completing the puzzle of using accounting to understand business. Boston, Massachusetts : Cengage Learning, 2022. [658.1511 W286 23]

* 1. Đánh giá môn học/Student assessment

| **Thành phần đánh giá/ Type of assessment** | **Bài đánh giá / Assessment methods** | **Thời điểm/ Assemment time** | **CĐR môn học/ CLOs** | **Tỷ lệ % Weight %** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  |
| **A1. Đánh giá quá trình/Formative assessment** | A.1.1 Thảo luận | Sau chương 1, và chương 5 | CLO1, CLO2, CLO4, CLO5 | 5% |
| A.1.2 Bài trắc nghiệm | Sau chương 2, chương 4, và chương 6 | CLO1🡪 CLO5 | 10% |
| A.1.3 Bài tập tình huống | Chương 3 và chương 5 | CLO2, CLO4, CLO5 | 5% |
| **Tổng cộng** |  |  | **20%** |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ/ Mid-term assessment** | A.2.1 Bài trắc nghiệm  | Sau chương 4 | CLO1🡪 CLO3 | 30% |
| **Tổng cộng** |  |  | **30%** |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ /End-of-course assessment** | A.3.1 Bài trắc nghiệm  | Sau khi kết thúc môn học | CLO1🡪 CLO4 | 50% |
| **Tổng cộng** |  |  | **50%** |
| **Tổng cộng** | **100%** |

1. *Hình thức – Nội dung – Thời lượng của các bài đánh giá/Assessment format, content and time:*

| **Bài đánh giá** | **Hình thức** | **Nội dung** | **Thời lượng** | **Công cụ đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A.1.1 Thảo luận | Thảo luận nhóm, nộp bài thảo luận trên hệ thống LMS. | [TL01] Thảo luận về sự khác nhau về các bên liên quan của doanh nghiệp | 30 phút/bài | Rubric 1 |
| Thảo luận nhóm, nộp bài thảo luận trên hệ thống LMS. | [TL02] Thảo luận về cách xử lý mâu thuẫn trong doanh nghiệp | 30 phút/bài | Rubric 2 |
| A.1.2 Bài trắc nghiệm | [TN01], [TN02] và [TN03] Thực hiện bài tập trắc nghiệm trên hệ thống LMS hoặc tại lớp | Bài trắc nghiệm để sinh viên tự đánh giá kiến thức cuối chương 2, chương 4, và chương 6.  | 30 phút/bài |  |
| A.1.3 Bài tập tình huống | Thực hiện bài tập trên hệ thống LMS hoặc tại lớp | [TH01] Đưa ra nhận xét đánh giá về mối quan hệ giữa gian lận, kiểm toán, kế toán và kiểm soát nội bộ[TH02] Đưa ra nhận xét đánh giá vì sao việc thiếu truyền thông trong doanh nghiệp dẫn đến mâu thuẫn | 60 phút/bài | Rubric 3 |
| A.2.1 Bài trắc nghiệm | Thực hiện bài tập trắc nghiệm tại lớp học trực tiếp | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 4 | 90 phút | Ma trận đề thi 1 |
| A.3.1 Bài trắc nghiệm | Thực hiện bài thi theo theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 6 | 90 phút | Ma trận đề thi 2 |

1. *Rubrics (bảng tiêu chí đánh giá): Xem phụ lục đề cương môn học*
	1. Kế hoạch giảng dạy (Tỷ lệ trực tuyến [6/45])/Teaching schedule: 6/45
		1. Áp dụng cho buổi học 5 tiết/buổi

| **Tuần/buổi học****Week****Section** | **Nội dung****Content** | **CĐR môn học****CLOs** | **Hoạt động dạy và học/Teaching and learning** | **Bài đánh giá****Student assessment**  | **Tài liệu chính và tài liệu tham khảo****Textbooks and materials** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tự học/Self-study** | **Trực tiếp/FTF** | **Trực tuyến/Online** |
| **Lý thuyết/Theory** | **Thực hành/Practice** | **Lý thuyết/Theory** |
| **Hoạt động****Activity** | **Số giờ****Periods** | **Hoạt động****Activity** | **Số giờ****Periods** | **Hoạt động****Activity** | **Số giờ****Periods** | **Hoạt động****Activity** | **Số giờ****Periods** |  |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  | (5) |  | (6) |  | (7) |  | (8) | (9) |
| 1 | **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài**1.1 Tổ chức doanh nghiệp và các bên liên quan1.2 Môi trường hoạt động của doanh nghiệp1.3Các yếu tố vĩ mô1.4 Các yếu tố vi mô | CLO1CLO5 | Đọc trước Chương 1, Chương 2, Chương 3 và Chương 4 tài liệu [1] và [2] | 13 | Giới thiệu môn học&Học lý thuyết Chương 1&Trắc nghiệm[BTTN01] | 5 |  |  | Thảo luận [TL01] | 1 | A.1.1 | [1]Chương 1 và 2[2] Chương 1 và 2 |
| 2 | **Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp**2.1 Cấu trúc doanh nghiệp2.2 Chiến lược kinh doanh2.3 Văn hóa doanh nghiệp2.4 Quản trị doanh nghiệp2.5 Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp | CLO1CLO5 | Đọc trước Chương 5, Chương 6 và Chương 7 tài liệu [1], [2]. | 13 | Học lý thuyết Chương 2&Trắc nghiệm [BTTN02] | 5 |  |  | Xem video [VD01] và thực hiện bài tập Trắc nghiệm [A.1.2-TN01] | 1,5 | A.1.2 | [1]Chương 5[2]Chương 5 |
| 3 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp**3.1 Mục đích của thông tin kế toán3.2 Bản chất và phạm vi của kế toán3.3 Thông tin tài chính bên trong và bên ngoài3.4 Hệ thống kiểm soát nội bộ3.5 Kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ | CLO2CLO5 | Đọc trước Chương 8 tài liệu [1], [2]. | 13 | Học lý thuyết Chương 3 | 5 |  |  |  |  | A.1.1 | [1] Chương 8[2] Chương 8 |
| 4 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp** (tiếp theo)3.6 Gian lận trong doanh nghiệp3.7 Phát hiện và ngăn ngừa gian lận3.8 Hành vi rửa tiền | CLO2CLO5 | Đọc trước Chương 9 & 10 tài liệu [1], [2]. | 13 | Học lý thuyết Chương 3 (tiếp theo)&Trắc nghiệm [BTTN03]&Tình huống[TH01] | 4 |  |  |  |  | A.1.3 | [1] Chương 9, 10[2]Chương 9, 10 |
| 5 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý**4.1 Lãnh đạo và quản lý nhân viên4.2 Tuyển dụng4.3 Sự đa dạng hóa4.4 Cá nhân, nhóm và đội4.5 Động lực làm việc cho cá nhân và nhóm | CLO3 | Đọc trước Chương 11, 12 và 13 tài liệu [1], [2]: | 13 | Học lý thuyết Chương 4 | 5 |  |  |  |  |  | Chương 11, 12 và 13 tài liệu [1], [2] |
| 6 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý** (tiếp theo)4.6 Đào tạo và phát triển4.7 Đánh giá hoạt động | CLO3CLO5 | Đọc trước Chương 14, 15, 16 và 17 tài liệu [1], [2].&Thực hiện trắc nghiệm trên LMS sau chương 4Trắc nghiệm [TN02] | 13 | Học lý thuyết Chương 4 (tiếp theo)&Trắc nghiệm [BTTN04]. | 5 |  |  | Trắc nghiệm [A.1.2-TN02] | 1 | A.1.2 | Chương 14, 15, 16 và 17 tài liệu [1], [2] |
| 7 | **Chương 5. Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp**5.1 Truyền thông trong doanh nghiệp5.2 Các kênh truyền thông chính thống5.3 Các kênh truyền thông phi chính thống5.4 Rào cản truyền thông tại doanh nghiệp5.5 Mẫu thuẫn trong doanh nghiệp5.6 Quản lý mâu thuẫn | CLO4CLO5 | Đọc trước Chương 18 tài liệu [1], [2].&Thực hiện thảo luận trên LMS sau chương 5Thảo luận [TL03] | 14 | Kiểm tra giữa kỳ&Học lý thuyết Chương 5&Trắc nghiệm[BTTN05]&Tình huống [TH02] | 5 |  |  | Thảo luận [TL03] | 1 | A.1.1A.1.3A.2.1 | Chương 18 tài liệu [1],[2] |
| 8 | **Chương 6. Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán**6.1 Khái niệm cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp6.2 Trách nhiệm của nhà quản lý6.3 Môi trường đạo đức6.4 Đạo đức trong tổ chức6.5 Nguyên tắc đạo đức kế toán6.6 Đạo đức trong kinh doanh**Ôn tập** | CLO4CLO5 | Đọc trước Chương 19 tài liệu [1], [2].&Thực hiện trắc nghiệm trên LMS sau chương 6Trắc nghiệm [TN03] | 13 | Học lý thuyết Chương 6&Trắc nghiệm[BTTN06]&Ôn tập và giải đáp thắc mắc môn học | 5 |  |  | Xem video [VD02]&Trắc nghiệm [A.1.2-TN03] | 1,5 | A1.2 | Chương 19 tài liệu [1].[2] |
| **Tổng cộng/Total** | **X** | **105** | **X** | **39** | **X** | **0** | **X** | **6** |  |  |

* + 1. Áp dụng cho buổi học 3 tiết/buổi

| **Tuần/buổi học****Week****Section** | **Nội dung****Content** | **CĐR môn học****CLOs** | **Hoạt động dạy và học/Teaching and learning** | **Bài đánh giá****Student assessment**  | **Tài liệu chính và tài liệu tham khảo****Textbooks and materials** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tự học/Self-study** | **Trực tiếp/FTF** | **Trực tuyến/Online**  |
| **Lý thuyết/Theory** | **Thực hành/Practice** | **Lý thuyết/Theory** |
| **Hoạt động****Activity** | **Số giờ****Periods** | **Hoạt động****Activity** | **Số giờ****Periods** | **Hoạt động****Activity** | **Số giờ****Periods** | **Hoạt động****Activity** | **Số giờ****Periods** |  |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  | (5) |  | (6) |  | (7) |  | (8) | (9) |
| 1 | **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài**1.1 Tổ chức doanh nghiệp và các bên liên quan1.2 Môi trường hoạt động của doanh nghiệp1.3Các yếu tố vĩ mô1.4 Các yếu tố vi mô | CLO1 | Đọc trước Chương 1,2,3 và 4 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyết Chương 1 | 3 |  |  |  |  |  | [1]Chương 1, 2, 3 và 4[2] Chương 1, 2, 3 và 4 |
| 2 | **Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài (Tiếp theo)**1.3Các yếu tố vĩ mô1.4 Các yếu tố vi mô | CLO1CLO5 | Đọc trước Chương 1,2,3 và 4 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyết Chương 1&Bài tập trắc nghiệm[BTTN01] | 3 |  |  | Thảo luận [A.1.1-TL01] | 0,5 | A.1.1 | [1]Chương 1, 2, 3 và 4[2] Chương 1, 2, 3 và 4 |
| 3 | **Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp**2.1 Cấu trúc doanh nghiệp2.2 Chiến lược kinh doanh2.3 Văn hóa doanh nghiệp | CLO1 | Đọc trước Chương 5, 6 ,7 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyếtChương 2  | 3 |  |  |  |  |  | [1]Chương 5, 6, 7[2]Chương 5, 6, 7 |
| 4 | **Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp (Tiếp theo)**2.4 Quản trị doanh nghiệp2.5 Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp | CLO1CLO5 | Đọc trước Chương 5, 6 ,7 tài liệu [1], [2].&Thực hiện trắc nghiệm trên LMS sau chương 2Trắc nghiệm [TN01] | 8 | Học lý thuyếtChương 2 &Bài tập trắc nghiệm [BTTN02] | 3 |  |  | Xem video [VD01] & Trắc nghiệm [A.1.2-TN01] | 1,5 | A.1.2 | [1]Chương 5, 6, 7[2]Chương 5, 6, 7 |
| 5 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp**3.1 Mục đích của thông tin kế toán3.2 Bản chất và phạm vi của kế toán3.3 Thông tin tài chính bên trong và bên ngoài3.4 Hệ thống kiểm soát nội bộ3.5 Kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ | CLO2 | Đọc trước Chương 8 & 9 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyếtChương 3 | 3 |  |  |  |  |  | [1] Chương 8[2] Chương 8 |
| 6 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp (tiếp theo)**3.6 Gian lận trong doanh nghiệp3.7 Phát hiện và ngăn ngừa gian lận3.8 Hành vi rửa tiền | CLO2CLO5 | + Đọc trước Chương 10 tài liệu [1], [2] & Thực hiệnThảo luận [TL02],và Bài tập tình huống [TH01] trên LMS sau chương 3 | 8 | Học lý thuyết Chương 3: Vai trò và chức năng của kếtoán trong doanh nghiệp.&Bài tập trắc nghiệm [BTTN03] | 3 |  |  | Bài tập tình huống [A.1.3-TH01] | 1 | A.1.1A.1.3 | [1] Chương 9, 10[2]Chương 9, 10 |
| 7 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý**4.1 Lãnh đạo và quản lý nhân viên4.2 Tuyển dụng4.3 Sự đa dạng hóa4.4 Cá nhân, nhóm và đội4.5 Động lực làm việc cho cá nhân và nhóm | CLO3 | Đọc trước Chương 11, 12, 13, 14 và 15 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyếtChương 4 | 3 |  |  |  |  |  | Chương 11, 12 và 13 tài liệu [1], [2] |
| 8 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý (tiếp theo)**4.6 Đào tạo và phát triển4.7 Đánh giá hoạt động | CLO3CLO5 | Đọc trước Chương 16 và 17 tài liệu [1], [2].&Thực hiện trắc nghiệm trên LMS sau chương 4Trắc nghiệm [TN02] | 8 | Học lý thuyết Chương 4: Lãnh đạo và quản lý (tiếp theo)&Bài tập trắc nghiệm [BTTN04]. | 3 |  |  | Trắc nghiệm [A.1.2-TN02] | 1 | A1.1 | Chương 14, 15, 16 và 17 tài liệu [1], [2] |
| 9 | Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ |  | Ộn tập nội dung từ chương 1 đến chương 4 | 9 | Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ | 3 |  |  |  |  | A2.1 |  |
| 10 | **Chương 5. Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp**5.1 Truyền thông trong doanh nghiệp5.2 Các kênh truyền thông chính thống5.3 Các kênh truyền thông phi chính thống5.4 Rào cản truyền thông tại doanh nghiệp | CLO4 | Đọc trước Chương 18 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyết Chương 5: Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp&Bài tập trắc nghiệm [BTTN05]. | 3 |  |  |  |  |  | Chương 18 tài liệu [1],[2] |
| 11 | **Chương 5. Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp (Tiếp theo)**5.5 Mẫu thuẫn trong doanh nghiệp5.6 Quản lý mâu thuẫn | CLO4CLO5 | Đọc trước Chương 18 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyết Chương 5: Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp (tt)Bài tập tình huống [A.1.3-TH02] | 3 |  |  | Thảo luận [A.1.1-TL02] | 0,5 | A.1.1A.1.3 | Chương 18 tài liệu [1],[2] |
| 12 | **Chương 6. Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán**6.1 Khái niệm cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp6.2 Trách nhiệm của nhà quản lý6.3 Môi trường đạo đức | CLO4CLO5 | Đọc trước Chương 19 tài liệu [1], [2]. | 8 | Học lý thuyết Chương 6: Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán. | 3 |  |  | Xem video [VD02] | 0,5 |  | Chương 19 tài liệu [1].[2] |
| 13 | **Chương 6. Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán**6.4 Đạo đức trong tổ chức6.5 Nguyên tắc đạo đức kế toán6.6 Đạo đức trong kinh doanh**Ôn tập** | CLO4CLO5 | Đọc trước Chương 19 tài liệu [1], [2].&Thực hiện trắc nghiệm trên LMS sau chương 6Trắc nghiệm [TN03] | 8 | Học lý thuyết Chương 6: Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán. (tiếp)&Bài tập trắc nghiệm [BTTN06]&Ôn tập và giải đáp thắc mắc môn học | 3 |  |  | Trắc nghiệm [A.1.2-TN03] | 1 | A.1.1 | [1]Chương 1, 2, 3 và 4[2] Chương 1, 2, 3 và 4 |
| Tổng cộng/Total | X | **105** | X | **39** | X | **0** | X | **6** |  |  |

 Ghi chú

A.1.1-TL01 Thảo luận về sự khác nhau về các bên liên quan của doanh nghiệp

A.1.1-TL02 Thảo luận về cách xử lý mâu thuẫn trong doanh nghiệp

A.1.2-TN01 Bài tập trắc nghiệm nội dung cho Chương 1 và Chương 2.

A.1.2-TN02 Bài tập trắc nghiệm nội dung cho Chương 3 và Chương 4.

A.1.2-TN03 Bài tập trắc nghiệm nội dung cho Chương 5 và Chương 6.

A.1.3-TH01 Đưa ra nhận xét đánh giá về mối quan hệ giữa gian lận, kiểm toán, kế toán và kiểm soát nội bộ

A.1.3-TH02 Đưa ra nhận xét đánh giá vì sao việc thiếu truyền thông trong doanh nghiệp dẫn đến mâu thuẫn

BTTN01 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 1

BTTN02 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 2

BTTN03 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 3

BTTN04 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 4

BTTN05 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 5

BTTN06 Bài tập trắc nghiệm ôn tập nội dung cho Chương 6

VD01 Xem video số 1 về nội dung “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”

VD02 Xem video số 2 về nội dung “Các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kế toán”.

* 1. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và phương pháp giảng dạy – phương pháp đánh giá

| **Tuần/ buổi học****Week Section** | **Nội dung****Content** | **CĐR môn học****CLOs** | **Hình thức dạy học /Teaching and learning methods** | **Hình thức đánh giá****Student assessment** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| 1 | **Giới thiệu môn học****Chương 1. Tổ chức doanh nghiệp, các bên liên quan và môi trường bên ngoài** | CLO1: Nhận biết vai trò của quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm. | Thảo luận |
| 2 | **Chương 2. Cấu trúc và quản trị doanh nghiệp** | CLO1: Nhận biết vai trò của quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, cung cấp video bài giảng.Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, xem video.  | Bài tập trắc nghiệm |
| 3 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp** | CLO2: Giải thích mối quan hệ giữa kế toán và các bộ phận/chức năng khác của doanh nghiệp.CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn họcSinh viên: Nghe giảng | Thảo luận |
| 4 | **Chương 3. Vai trò và chức năng của kế toán trong doanh nghiệp** (tiếp theo) | CLO2: Giải thích mối quan hệ giữa kế toán và các bộ phận/chức năng khác của doanh nghiệp.CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, tình huống thảo luận.Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, thảo luận. | Thảo luận, bài tập trắc nghiệm |
| 5 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý** | CLO3: Giải thích vai trò lãnh đạo của nhà quản lý trong các hoạt động tại doanh nghiệp và các nguyên tắc giúp tạo động lực làm việc đối với nhân viên trong doanh nghiệp. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn họcSinh viên: Nghe giảng |  |
| 6 | **Chương 4. Lãnh đạo và quản lý** (tiếp theo) | CLO3: Giải thích vai trò lãnh đạo của nhà quản lý trong các hoạt động tại doanh nghiệp và các nguyên tắc giúp tạo động lực làm việc đối với nhân viên trong doanh nghiệp.CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm. | Bài tập trắc nghiệm |
| 7 | **Chương 5. Truyền thông và mâu thuẫn trong doanh nghiệp** | CLO4: Giải thích các kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn trong doanh nghiệp và các nguyên tắc đạo đức chính tại doanh nghiệp.CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, tình huống thảo luận.Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, thảo luận. Bài kiểm tra tại lớp sau khi kết thúc chương 4 | Thảo luận, bài tập trắc nghiệm Bài kiểm tra giữa kỳ |
| 8 | **Chương 6. Đạo đức trong kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp kế toán****Ôn tập** | CLO4: Giải thích các kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn trong doanh nghiệp và các nguyên tắc đạo đức chính tại doanh nghiệp.CLO5: Hoàn thành công việc được giao hiệu quả và đúng thời gian. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, cung cấp video bài giảng.Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập trắc nghiệm, xem video. | Bài tập trắc nghiệm |

9. Quy định của môn học/Course policy

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra:

* Sinh viên phải hoàn thành bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận theo thời gian quy định.

- Quy định về chuyên cần:

* Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học và thực hiện các hoạt động học tập tại lớp.

- Nội quy lớp học:

* Sinh viên tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các hoạt động học tập được giao.
* Sinh viên đọc trước văn bản, tài liệu được yêu cầu.
* Sinh viên không tham gia bất kỳ hoạt động nào trên LMS thì sẽ không có điểm quá trình.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA............****DEAN OF THE FACULTY***(Ký và ghi rõ họ tên-Signed with fullname)* | **GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN****ACADEMIC** *(Ký và ghi rõ họ tên- Signed with fullname)* |

 **TS Hồ Hữu Thụy** ThS Nguyễn Anh Hoàng Sơn

**PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

RUBRICS (bảng tiêu chí đánh giá)

**RUBRIC 1**

**Bài thảo luận**

**Mô tả nhiệm vụ:** Sinh viên tham gia thảo luận của diễn dàn trên hệ thống LMS về chủ đề:

[TL01]: Thảo luận về sự khác nhau về các bên liên quan của doanh nghiệp.

| **Tiêu chí đánh giá** | Trọng số | Kém | Yếu | Trung bình | Khá | Giỏi |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| < 4 | 4.0 🡪 <5 | 5 🡪 6.4 | 6.5 🡪 7.9 | 8 🡪 10 |
| Chấp hành đúng thời hạn quy định về thời gian thảo luận và có giải thích | 20% | Không tham gia thảo luận | Trả lời thảo luận ngoài khung thời gian quy định | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định nhưng không đúng chủ đề | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định đúng chủ đề nhưng không giải thích cho nhận định của mình | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định và đúng chủ đề có giải thích cho nhận định của mình |
| Nội dung (Đưa ra nhận định đúng sai về chủ đề thảo luận, giải thích cho sự lựa chọn của mình và kèm theo các dẫn chứng thích hợp) | 80% | Bài thảo luận không đáp ứng yêu cầu thảo luận. Trả lời sai, không có giải thích, không có dẫn chứng hỗ trợ câu trả lời. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 40-64%. Các câu trả lời chỉ dừng ở mức trả lời đúng nhưng chưa giải thích/các dẫn chứng chưa thuyết phục. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 65-79%. Các câu trả lời đúng, có giải thích/dẫn chứng ở mức cơ bản | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 80-89%. Các câu trả lời đúng, có giải thích/dẫn chứng ở mức tốt | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 90% trở lên. Các câu trả lời đúng, có giải thích và dẫn chứng ở mức tốt và có liên hệ thực tế trong câu trả lời |

**RUBRIC 2**

**Bài thảo luận**

**Mô tả nhiệm vụ:** Sinh viên tham gia thảo luận của diễn dàn trên hệ thống LMS về chủ đề các xử lý mâu thuẫn trong doanh nghiệp.

| **Tiêu chí đánh giá** | Trọng số | Kém | Yếu | Trung bình | Khá | Giỏi |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| < 4 | 4.0 🡪 <5 | 5 🡪 6.4 | 6.5 🡪 7.9 | 8 🡪 10 |
| Chấp hành đúng thời hạn quy định về thời gian thảo luận và có giải thích | 20% | Không tham gia thảo luận | Trả lời thảo luận ngoài khung thời gian quy định | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định nhưng không đúng chủ đề | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định đúng chủ đề nhưng không giải thích cho nhận định của mình | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định và đúng chủ đề có giải thích cho nhận định của mình |
| Nội dung (Đưa ra nhận định đúng sai về chủ đề thảo luận, xác định các phương pháp xử lý phù hợp và kèm theo các dẫn chứng thích hợp) | 80% | Bài thảo luận không đáp ứng yêu cầu thảo luận. Trả lời sai, không có giải thích, không có dẫn chứng hỗ trợ câu trả lời. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, thảo luận xác định phương pháp xử lý phù hợp đạt từ 40-64%. Các câu trả lời chỉ dừng ở mức trả lời đúng nhưng chưa giải thích/các dẫn chứng chưa thuyết phục. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, thảo luận xác định phương pháp xử lý phù hợp đạt từ 65-79%. Các câu trả lời đúng, có giải thích/dẫn chứng ở mức cơ bản. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, thảo luận xác định phương pháp xử lý phù hợp đạt từ 80-89%. Các câu trả lời đúng, có giải thích/dẫn chứng ở mức tốt. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, thảo luận xác định phương pháp xử lý phù hợp đạt từ 90% trở lên. Các câu trả lời đúng, có giải thích và dẫn chứng ở mức tốt và có liên hệ thực tế trong câu trả lời. |

**RUBRIC 3**

**Bài tập tình huống**

**Mô tả nhiệm vụ:** Sinh viên đưa ra nhận xét đánh giá về các tình huống được nêu ra:

[TH01] Đưa ra nhận xét đánh giá về mối quan hệ giữa gian lận, kiểm toán, kế toán và kiểm soát nội bộ

[TH02] Đưa ra nhận xét đánh giá vì sao việc thiếu truyền thông trong doanh nghiệp dẫn đến mâu thuẫn

| **Tiêu chí đánh giá** | Trọng số | Kém | Yếu | Trung bình | Khá | Giỏi |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| < 4 | 4.0 🡪 <5 | 5 🡪 6.4 | 6.5 🡪 7.9 | 8 🡪 10 |
| Tuân thủ lịch trình nộp bài và hình thức trình bày | 20% | - Trình bày nhiều lỗi chính tả, không có cấu trúc bài trình bày (lộn xộn các ý), không đúng biểu mẫu quy định- Không nộp bài tập thực hành | - Trình bày còn một số lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc nhưng sơ sài, không đúng biểu mẫu quy định- Nộp bài tập thực hành trễ hạn quy định | - Trình bày có ít lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc rõ, nhưng chưa làm đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định- Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. | - Trình bày chỉ một vài lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định- Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. | - Trình bày không có lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng biểu mẫu quy định- Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. |
| Nội dung (Đưa ra nhận xét đánh giá về tình huống nêu ra và kèm theo các dẫn chứng thích hợp) | 80% | Bài nộp không đáp ứng yêu cầu đưa ra. Không đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống/đưa ra nhận xét không phù hợp, không trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, không đưa ra các dẫn chứng thuyết phục. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 40-64%. Đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống phù hợp, không trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, không đưa ra các dẫn chứng thuyết phục. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 65-79%. Đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống phù hợp, có trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, không đưa ra các dẫn chứng thuyết phục. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 80-89%. Đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống phù hợp, có trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, đưa ra các dẫn chứng thuyết phục ở mức cơ bản. | Sinh viên đáp ứng yêu cầu từ 90% trở lên. Đưa ra nhận xét đánh giá cho tình huống phù hợp, có trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan, đưa ra các dẫn chứng thuyết phục và có liên hệ thực tế. |

**Ma trận đề thi 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Cấp độ** | **Cấp độ 1** | **Cấp độ 2** | **Cấp độ 3** | **Cộng** |
| **CLO1** |   |   |   |  |
| *Số câu*  | *8* | *8* |  | *16* |
| *Số điểm* | *2* | *2* |  | 4 điểm = 40%  |
| **CLO2** |   |   |   |  |
| *Số câu*  | *6* | *4* | ***2*** | *12* |
| *Số điểm* | *1,5* | *1* | *0,5* | 3 điểm = 30%  |
| **CLO3** |   |   |   |  |
| *Số câu*  | *4* | *4* | *4* | *12* |
| *Số điểm* | *1* | *1* | *1* | 3 điểm = 30%  |
| **Tổng số câu: 40** | **18** | **16** | **6** | **40** |
| **Tổng số điểm: 10** | **4,5** | **4** | **1,5** | **10** |
|  | **45%** | **40%** | **15%** | **100%** |

**Ma trận đề thi 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Cấp độ** | **Cấp độ 1** | **Cấp độ 2** | **Cấp độ 3** | **Cộng** |
| **CLO1** |   |   |   |   |
| *Số câu*  | *8* | *4* |  | *12* |
| *Số điểm* | *2* | *1* |  | 3 điểm = 30%  |
| **CLO2** |   |   |   |  |
| *Số câu*  | *6* | *4* | ***2*** | *12* |
| *Số điểm* | *1,5* | *1* | *0,5* | 3 điểm = 30%  |
| **CLO3** |   |   |   |  |
| *Số câu*  | *3* | *3* | *2* | *8* |
| *Số điểm* | *0,75* | *0,75* | *0,5* | 2 điểm = 20%  |
| **CLO4** |   |   |   |  |
| *Số câu*  | *3* | *3* | *2* | *8* |
| *Số điểm* | *0,75* | *0,75* | *0,5* | 2 điểm = 20%  |
| **Tổng số câu: 40** | **20** | **14** | **6** | **40** |
| **Tổng số điểm: 10** | **5** | **3,5** | **1,5** | **10** |
|  | **50%** | **35%** | **15%** | **100%** |